(Tiếp theo Công báo điện tử số 273 + 274)

Phụ lục LXIX

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ sơ cấp đối với nghề: "Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng"

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND)

A. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- **Tên nghề:** **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng**
- **Trình độ đào tạo:** Sơ cấp III
- **Thời gian đào tạo:** 675 giờ *(Lý thuyết: 165 giờ; thực hành: 510 giờ)*
- **Đối tượng tuyển sinh:** Từ 15 tuổi trở lên, tốt nghiệp THCS, có sức khỏe phù hợp với nghề cần học.
- **Bằng cấp sau khi tốt nghiệp:** Chứng chỉ sơ cấp III

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

- Nắm được lượng từ vựng từ 800-1000 và từ 80-100 chữ Hán (Kanji).

- Hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, đời sống hàng ngày và giải trí, việc làm, nơi làm việc, luật pháp, chế độ lao động …).

- Trình bày được những thông tin cơ bản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu ở nơi làm việc.

- Xác định được các kiến thức về an toàn, vệ sinh lao động đối với công việc, vị trí làm việc và nơi làm việc.

- Liệt kê được các kiến thức cơ bản về các yêu cầu, tiêu chuẩn đối với từng công việc của nghề; áp dụng được một số kiến thức nhất định khi thực hiện công việc và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

2. Về kỹ năng

- Nói được các đoạn hội thoại trong giao tiếp đơn giản với người bản xứ và xử lý thông tin ứng dụng phù hợp các kiến thức tình huống đã học để giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực trong công việc.

- Nghe hiểu được các từ vựng cơ bản trong công việc văn phòng, công ty.

- Đọc hiểu được các thông tin cơ bản liên quan đến công việc, giúp xử lý công việc chính xác, nhanh chóng, đúng tiến độ.

- Viết được tin nhắn, ghi chú với nội dung đơn giản.

- Sử dụng được một số ít, các cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu cơ bản đã học.

3. Thái độ

- Có khả năng tiếp nhận, ghi chép và chuyển thông tin theo yêu cầu.

- Biết được yêu cầu, tiêu chuẩn, kết quả đối với công việc ở các vị trí xung quanh hoặc công việc có liên quan.

- Chịu trách nhiệm với công việc, sản phẩm của mình.

- Có thể thực hiện độc lập hoặc làm việc theo nhóm để giải quyết công việc.

4. Cơ hội việc làm

Đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức, tác phong chuyên nghiệp, có năng lực sử dụng Tiếng Nhật ở mức sơ cấp để giao tiếp trong các doanh nghiệp.

II. NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

TT	Tên chương mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
MĐ01	Nhập môn Tiếng Nhật	30	0	30
MĐ02	Ngữ pháp Tiếng Nhật 1	45	15	30
MĐ03	Ngữ pháp Tiếng Nhật 2	45	15	30
MĐ04	Nghe - Nói Tiếng Nhật 1	60	0	60
MĐ05	Nghe - Nói Tiếng Nhật 2	60	0	60
MĐ06	Viết Tiếng Nhật 1	45	15	30
MĐ07	Viết Tiếng Nhật 2	45	15	30
MĐ08	Đọc hiểu Tiếng Nhật 1	45	15	30
MĐ09	Đọc hiểu Tiếng Nhật 2	45	15	30
MĐ10	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	30	0	30
MĐ11	Tiếng Nhật giao tiếp văn phòng sơ cấp 1	45	15	30

TT	Tên chương mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
MĐ12	Tiếng Nhật giao tiếp văn phòng sơ cấp 2	45	15	30
MĐ13	Tiếng Nhật giao tiếp văn phòng sơ cấp 3	45	15	30
MĐ14	Tiếng Nhật giao tiếp văn phòng sơ cấp 4	45	15	30
MĐ15	Tiếng Nhật giao tiếp văn phòng sơ cấp 5	45	15	30
TỔNG CỘNG		**675**	**165**	**510**

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT NGHỀ TIẾNG NHẬT DÀNH CHO ĐỐI TƯỢNG XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG

Bảng 1: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MÔ ĐUN: NHẬP MÔN TIẾNG NHẬT

Tên nghề: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng**

Tên mô đun: **Nhập môn Tiếng Nhật**

Mã mô đun: MĐ01

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**0,86**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	00	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,15**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	0,83
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	0,83
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173x195x101mm - Khối lượng: 780g	0,83
4	Amply	- Công suất 250W, 220V,50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	0,83
5	Tivi	- Màn hình: 86 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	0,83
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3Db - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	0,83
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	0,83
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại	0,86

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer… - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút thước và dụng cụ học tập khác - Mặt ghế học sinh được uốn hơi cong về phía trước, giúp người học ngồi thoải mái - Tựa ghế học và mặt ghế tách rời, nối với nhau bằng khung thép nhỏ chắc chắn, chống gỉ sét, chống mối mọt - Chất liệu: Gỗ tự nhiên cao su ghép thanh, gỗ dán, chân sắt sơn tĩnh điện	30
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	0,86
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	0,86
12	Giáo trình	Trọn bộ Minna no Nihongo I (Bản mới)	0,86
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: ~300W - Loại thông dụng trên thị trường	0,86
14	Màn chiếu	10.29	0,86

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	0,86
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	0,86

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giấy in A4	Tờ	Thông dụng tại thời điểm mua sắm 06 tờ/1 người học/1 mô đun	06
2	Bút dạ quang	Chiếc	Loại thông dụng trên thị trường (03 cây - 03 màu), (03 cây/15 mô đun)	0,006
3	Mực in	Hộp	Thông dụng tại thời điểm mua sắm (07 hộp mực/15 mô đun)	0,01
4	Bút bi	Cây	- Chiều rộng nét viết: 2,5mm - Số đầu bút: 1 hộp 10 cây, Màu xanh, đỏ, đen (01 hộp/15 mô đun)	0,002
5	Bút lông viết bảng	Cây	Các màu cơ bản: xanh, đỏ, đen (03 giờ LT+TH/1 cây)	0,29
6	Pin 3A	Cục	Thông dụng trên thị trường (03 giờ LT+TH/ 02 cục)	0,58
7	Đồ lau bảng	cái	Thông dụng trên thị trường 1 cái/1 mô đun	0,029
8	Túi hồ sơ	Chiếc	Bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4, 1 cái/1 mô đun	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	00	00
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 2: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: NGỮ PHÁP TIẾNG NHẬT 1

Tên nghề: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng**

Tên mô đun: **Ngữ pháp Tiếng Nhật 1**

Mã mô đun: MĐ02

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173x195x101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V,50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 86 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3Db - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	1,26
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer… - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút thước và dụng cụ học tập khác - Mặt ghế học sinh được uốn hơi cong về phía trước, giúp người học ngồi thoải mái	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Tựa ghế học và mặt ghế tách rời, nối với nhau bằng khung thép nhỏ chắc chắn, chống gỉ sét, chống mối mọt - Chất liệu: Gỗ tự nhiên cao su ghép thanh, gỗ dán, chân sắt sơn tĩnh điện	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Trọn bộ Minna no Nihongo I (Bản mới)	1,29
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: ~300W - Loại thông dụng trên thị trường	1,29
14	Màn chiếu	10.29	1,29
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,29
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,29

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giấy in A4	Tờ	Thông dụng tại thời điểm mua sắm 06 tờ/1 người học/1 mô đun	06
2	Bút dạ quang	Chiếc	Loại thông dụng trên thị trường (03 cây - 03 màu), (03 cây/15 mô đun)	0,006
3	Mực in	Hộp	Thông dụng tại thời điểm mua sắm (07 hộp mực/15 mô đun)	0,01
4	Bút bi	Cây	- Chiều rộng nét viết: 2,5mm - Số đầu bút: 1 hộp 10 cây, Màu xanh, đỏ, đen (01 hộp/15 mô đun)	0,002

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
5	Bút lông viết bảng	Cây	Các màu cơ bản: xanh, đỏ, đen (03 giờ LT+TH/1 cây)	0,43
6	Pin 3A	Cục	Thông dụng trên thị trường (03 giờ LT+TH/ 02 cục)	0,86
7	Đồ lau bảng	cái	Thông dụng trên thị trường 1 cái/1 mô đun	0,029
8	Túi hồ sơ	Chiếc	Bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4, 1 cái/1 mô đun	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 3: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: NGỮ PHÁP TIẾNG NHẬT 2

Tên nghề: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng**

Tên mô đun: **Ngữ pháp Tiếng Nhật 2**

Mã mô đun: MĐ03

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173x195x101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V,50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 86 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3Db - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	1,26
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer… - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút thước và dụng cụ học tập khác - Mặt ghế học sinh được uốn hơi cong về phía trước, giúp người học ngồi thoải mái	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Tựa ghế học và mặt ghế tách rời, nối với nhau bằng khung thép nhỏ chắc chắn, chống gỉ sét, chống mối mọt - Chất liệu: Gỗ tự nhiên cao su ghép thanh, gỗ dán, chân sắt sơn tĩnh điện	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Trọn bộ Minna no Nihongo I (Bản mới)	1,29
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: ~300W - Loại thông dụng trên thị trường	1,29
14	Màn chiếu	10.29	1,29
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,29
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,29

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giấy in A4	Tờ	Thông dụng tại thời điểm mua sắm 06 tờ/1 người học/1 mô đun	06
2	Bút dạ quang	Chiếc	Loại thông dụng trên thị trường (03 cây - 03 màu), (03 cây/15 mô đun)	0,006
3	Mực in	Hộp	Thông dụng tại thời điểm mua sắm (07 hộp mực/15 mô đun)	0,01
4	Bút bi	Cây	- Chiều rộng nét viết: 2,5mm - Số đầu bút: 1 hộp 10 cây, Màu xanh, đỏ, đen (01 hộp/15 mô đun)	0,002

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
5	Bút lông viết bảng	Cây	Các màu cơ bản: xanh, đỏ, đen (03 giờ LT+TH/1 cây)	0,43
6	Pin 3A	Cục	Thông dụng trên thị trường (03 giờ LT+TH/ 02 cục)	0,86
7	Đồ lau bảng	cái	Thông dụng trên thị trường 1 cái/1 mô đun	0,029
8	Túi hồ sơ	Chiếc	Bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4, 1 cái/1 mô đun	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 4: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: NGHE - NÓI TIẾNG NHẬT 1

Tên nghề: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng**

Tên mô đun: **Nghe - Nói Tiếng Nhật 1**

Mã mô đun: MĐ04

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,71**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	00	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	1,71	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,31**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,69
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,69
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173x195x101mm - Khối lượng: 780g	1,69

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V,50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	1,69
5	Tivi	- Màn hình: 86 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,69
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3Db - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	1,69
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,69
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer… - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,71
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút thước và dụng cụ học tập khác - Mặt ghế học sinh được uốn hơi cong về	60

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		phía trước, giúp người học ngồi thoải mái - Tựa ghế học và mặt ghế tách rời, nối với nhau bằng khung thép nhỏ chắc chắn, chống gỉ sét, chống mối mọt - Chất liệu: Gỗ tự nhiên cao su ghép thanh, gỗ dán, chân sắt sơn tĩnh điện	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,71
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,71
12	Giáo trình	Trọn bộ Minna no Nihongo I (Bản mới)	1,71
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: ~300W - Loại thông dụng trên thị trường	1,71
14	Màn chiếu	10.29	1,71
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,71
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,71

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giấy in A4	Tờ	Thông dụng tại thời điểm mua sắm 06 tờ/1 người học/1 mô đun	06
2	Bút dạ quang	Chiếc	Loại thông dụng trên thị trường (03 cây - 03 màu), (03 cây/15 mô đun)	0,006
3	Mực in	Hộp	Thông dụng tại thời điểm mua sắm (07 hộp mực/15 mô đun)	0,01
4	Bút bi	Cây	- Chiều rộng nét viết: 2,5mm - Số đầu bút: 1 hộp 10 cây, Màu xanh,	0,002

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			đỏ, đen (01 hộp/15 mô đun)	
5	Bút lông viết bảng	Cây	Các màu cơ bản: xanh, đỏ, đen (03 giờ LT+TH/1 cây)	0,58
6	Pin 3A	Cục	Thông dụng trên thị trường (03 giờ LT+TH/ 02 cục)	1,16
7	Đồ lau bảng	cái	Thông dụng trên thị trường 1 cái/1 mô đun	0,029
8	Túi hồ sơ	Chiếc	Bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4, 1 cái/1 mô đun	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	0	0
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	60	90

Bảng 5: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MÔ ĐUN: NGHE - NÓI TIẾNG NHẬT 2

Tên nghề: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng**

Tên mô đun: **Nghe - Nói Tiếng Nhật 2**

Mã mô đun: MĐ05

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,71**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	00	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	1,71	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,31**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,69
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,69
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173x195x101mm - Khối lượng: 780g	1,69

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V,50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	1,69
5	Tivi	- Màn hình: 86 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,69
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3Db - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	1,69
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,69
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer… - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,71
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút thước và dụng cụ học tập khác - Mặt ghế học sinh được uốn hơi cong về	60

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		phía trước, giúp người học ngồi thoải mái - Tựa ghế học và mặt ghế tách rời, nối với nhau bằng khung thép nhỏ chắc chắn, chống gỉ sét, chống mối mọt - Chất liệu: Gỗ tự nhiên cao su ghép thanh, gỗ dán, chân sắt sơn tĩnh điện	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,71
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,71
12	Giáo trình	Trọn bộ Minna no Nihongo I (Bản mới)	1,71
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: ~300W - Loại thông dụng trên thị trường	1,71
14	Màn chiếu	10.29	1,71
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,71
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,71

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giấy in A4	Tờ	Thông dụng tại thời điểm mua sắm 06 tờ/1 người học/1 mô đun	06
2	Bút dạ quang	Chiếc	Loại thông dụng trên thị trường (03 cây - 03 màu), (03 cây/15 mô đun)	0,006
3	Mực in	Hộp	Thông dụng tại thời điểm mua sắm (07 hộp mực/15 mô đun)	0,01
4	Bút bi	Cây	- Chiều rộng nét viết: 2,5mm - Số đầu bút: 1 hộp 10 cây, Màu	0,002

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			xanh, đỏ, đen (01 hộp/15 mô đun)	
5	Bút lông viết bảng	Cây	Các màu cơ bản: xanh, đỏ, đen (03 giờ LT+TH/1 cây)	0,58
6	Pin 3A	Cục	Thông dụng trên thị trường (03 giờ LT+TH/ 02 cục)	1,16
7	Đồ lau bảng	cái	Thông dụng trên thị trường 1 cái/1 mô đun	0,029
8	Túi hồ sơ	Chiếc	Bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4, 1 cái/1 mô đun	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	0	0
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	60	90

Bảng 6: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MÔ ĐUN: VIẾT TIẾNG NHẬT 1

Tên nghề: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng**

Tên mô đun: **Viết Tiếng Nhật 1**

Mã mô đun: MĐ06

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173x195x101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V,50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 86 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3Db - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	1,26
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer… - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút thước và dụng cụ học tập khác - Mặt ghế học sinh được uốn hơi cong về	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		phía trước, giúp người học ngồi thoải mái - Tựa ghế học và mặt ghế tách rời, nối với nhau bằng khung thép nhỏ chắc chắn, chống gỉ sét, chống mối mọt - Chất liệu: Gỗ tự nhiên cao su ghép thanh, gỗ dán, chân sắt sơn tĩnh điện	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Trọn bộ Minna no Nihongo I (Bản mới)	1,29
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: ~300W - Loại thông dụng trên thị trường	1,29
14	Màn chiếu	10.29	1,29
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,29
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,29

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giấy in A4	Tờ	Thông dụng tại thời điểm mua sắm 06 tờ/1 người học/1 mô đun	0,006
2	Bút dạ quang	Chiếc	Loại thông dụng trên thị trường (03 cây - 03 màu), (03 cây/15 mô đun)	0,01
3	Mực in	Hộp	Thông dụng tại thời điểm mua sắm (07 hộp mực/15 mô đun)	0,002

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
4	Bút bi	Cây	- Chiều rộng nét viết: 2,5mm - Số đầu bút: 1 hộp 10 cây, Màu xanh, đỏ, đen (01 hộp/15 mô đun)	0,43
5	Bút lông viết bảng	Cây	Các màu cơ bản: xanh, đỏ, đen (03 giờ LT+TH/1 cây)	0,86
6	Pin 3A	Cục	Thông dụng trên thị trường (03 giờ LT+TH/ 02 cục)	0,029
7	Đồ lau bảng	Cái	Thông dụng trên thị trường 1 cái/1 mô đun	0,029
8	Túi hồ sơ	Chiếc	Bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4, 1 cái/1 mô đun	0,006

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 7: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: VIẾT TIẾNG NHẬT 2

Tên nghề: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng**

Tên mô đun: **Viết Tiếng Nhật 2**

Mã mô đun: MĐ07

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173x195x101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V,50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 86 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3Db - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	1,26
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer… - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút thước và dụng cụ học tập khác	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Mặt ghế học sinh được uốn hơi cong về phía trước, giúp người học ngồi thoải mái - Tựa ghế học và mặt ghế tách rời, nối với nhau bằng khung thép nhỏ chắc chắn, chống gỉ sét, chống mối mọt - Chất liệu: Gỗ tự nhiên cao su ghép thanh, gỗ dán, chân sắt sơn tĩnh điện	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Trọn bộ Minna no Nihongo I (Bản mới)	1,29
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: ~300W - Loại thông dụng trên thị trường	1,29
14	Màn chiếu	10.29	1,29
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,29
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,29

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giấy in A4	Tờ	Thông dụng tại thời điểm mua sắm 06 tờ/1 người học/1 mô đun	06
2	Bút dạ quang	Chiếc	Loại thông dụng trên thị trường (03 cây - 03 màu), (03 cây/15 mô đun)	0,006

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
3	Mực in	Hộp	Thông dụng tại thời điểm mua sắm (07 hộp mực/15 mô đun)	0,01
4	Bút bi	Cây	- Chiều rộng nét viết: 2,5mm - Số đầu bút: 1 hộp 10 cây, Màu xanh, đỏ, đen (01 hộp/15 mô đun)	0,002
5	Bút lông viết bảng	Cây	Các màu cơ bản: xanh, đỏ, đen (03 giờ LT+TH/1 cây)	0,43
6	Pin 3A	Cục	Thông dụng trên thị trường (03 giờ LT+TH/ 02 cục)	0,86
7	Đồ lau bảng	cái	Thông dụng trên thị trường 1 cái/1 mô đun	0,029
8	Túi hồ sơ	Chiếc	Bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4, 1 cái/1 mô đun	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 8: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MÔ ĐUN: ĐỌC HIỂU TIẾNG NHẬT 1

Tên nghề: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng**

Tên mô đun: **Đọc hiểu Tiếng Nhật 1**

Mã mô đun: MĐ08

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173x195x101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V,50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 86 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3Db - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	1,26
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer… - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút thước và dụng cụ học tập khác	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Mặt ghế học sinh được uốn hơi cong về phía trước, giúp người học ngồi thoải mái - Tựa ghế học và mặt ghế tách rời, nối với nhau bằng khung thép nhỏ chắc chắn, chống gỉ sét, chống mối mọt - Chất liệu: Gỗ tự nhiên cao su ghép thanh, gỗ dán, chân sắt sơn tĩnh điện	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Trọn bộ Minna no Nihongo I (Bản mới)	1,29
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: ~300W - Loại thông dụng trên thị trường	1,29
14	Màn chiếu	10.29	1,29
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,29
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,29

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giấy in A4	Tờ	Thông dụng tại thời điểm mua sắm 06 tờ/1 người học/1 mô đun	06
2	Bút dạ quang	Chiếc	Loại thông dụng trên thị trường (03 cây - 03 màu), (03 cây/15 mô đun)	0,006
3	Mực in	Hộp	Thông dụng tại thời điểm mua sắm (07 hộp mực/15 mô đun)	0,01

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
4	Bút bi	Cây	- Chiều rộng nét viết: 2,5mm - Số đầu bút: 1 hộp 10 cây, Màu xanh, đỏ, đen (01 hộp/15 mô đun)	0,002
5	Bút lông viết bảng	Cây	Các màu cơ bản: xanh, đỏ, đen (03 giờ LT+TH/1 cây)	0,43
6	Pin 3A	Cục	Thông dụng trên thị trường (03 giờ LT+TH/ 02 cục)	0,86
7	Đồ lau bảng	cái	Thông dụng trên thị trường 1 cái/1 mô đun	0,029
8	Túi hồ sơ	Chiếc	Bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4, 1 cái/1 mô đun	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 9: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: ĐỌC HIỂU TIẾNG NHẬT 2

Tên nghề: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng**

Tên mô đun: **Đọc hiểu Tiếng Nhật 2**

Mã mô đun: MĐ09

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173x195x101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V,50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 86 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3Db - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	1,26
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer… - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút thước và dụng cụ học tập khác	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Mặt ghế học sinh được uốn hơi cong về phía trước, giúp người học ngồi thoải mái - Tựa ghế học và mặt ghế tách rời, nối với nhau bằng khung thép nhỏ chắc chắn, chống gỉ sét, chống mối mọt - Chất liệu: Gỗ tự nhiên cao su ghép thanh, gỗ dán, chân sắt sơn tĩnh điện	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Trọn bộ Minna no Nihongo I (Bản mới)	1,29
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: ~300W - Loại thông dụng trên thị trường	1,29
14	Màn chiếu	10.29	1,29
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,29
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,29

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giấy in A4	Tờ	Thông dụng tại thời điểm mua sắm 06 tờ/1 người học/1 mô đun	06
2	Bút dạ quang	Chiếc	Loại thông dụng trên thị trường (03 cây - 03 màu), (03 cây/15 mô đun)	0,006
3	Mực in	Hộp	Thông dụng tại thời điểm mua sắm (07 hộp mực/15 mô đun)	0,01
4	Bút bi	Cây	- Chiều rộng nét viết: 2,5mm	0,002

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Số đầu bút: 1 hộp 10 cây, Màu xanh, đỏ, đen (01 hộp/15 mô đun)	
5	Bút lông viết bảng	Cây	Các màu cơ bản: xanh, đỏ, đen (03 giờ LT+TH/1 cây)	0,43
6	Pin 3A	Cục	Thông dụng trên thị trường (03 giờ LT+TH/ 02 cục)	0,86
7	Đồ lau bảng	Cái	Thông dụng trên thị trường 1 cái/1 mô đun	0,029
8	Túi hồ sơ	Chiếc	Bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4, 1 cái/1 mô đun	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 10: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: VĂN HÓA DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN

Tên nghề: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng**

Tên mô đun: **Văn hóa Doanh nghiệp Nhật Bản**

Mã mô đun: MĐ10

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**0,86**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	00	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,15**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	0,83
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	0,83
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	0,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V,50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	0,83
5	Tivi	- Màn hình: 86 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	0,83
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	0,83
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	0,83
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	0,86
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút	30

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		thước và dụng cụ học tập khác - Mặt ghế học sinh được uốn hơi cong về phía trước, giúp người học ngồi thoải mái - Tựa ghế học và mặt ghế tách rời, nối với nhau bằng khung thép nhỏ chắc chắn, chống gỉ sét, chống mối mọt - Chất liệu: Gỗ tự nhiên cao su ghép thanh, gỗ dán, chân sắt sơn tĩnh điện	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	0,86
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	0,86
12	Giáo trình	- Tiếng Nhật thật đơn giản trong giao tiếp hằng ngày - 初歩から学ぶ日本語会話 - Sơ Cấp 1, Choi Chunghui - Machida Goyuki - Park Minyeong, Nxb Hồng Đức, 2019 - Tiếng Nhật thật đơn giản trong giao tiếp hằng ngày - 初歩から学ぶ日本語会話 - Sơ Cấp 2, Choi Chunghui - Machida Goyuki - Park Minyeong, Nxb Hồng Đức, 2019 - Tiếng Nhật thật đơn giản trong giao tiếp hằng ngày - 初歩から学ぶ日本語会話 - Sơ Cấp 3, Choi Chunghui - Machida Goyuki - Park Minyeong, Nxb Hồng Đức, 2019	0,86
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: ~300W - Loại thông dụng trên thị trường	0,86
14	Màn chiếu	10.29	0,86
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	0,86

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	0,86

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giấy in A4	Tờ	Thông dụng tại thời điểm mua sắm 06 tờ/1 người học/1 mô đun	06
2	Bút dạ quang	Chiếc	Loại thông dụng trên thị trường (03 cây - 03 màu), (03 cây/15 mô đun)	0,006
3	Mực in	Hộp	Thông dụng tại thời điểm mua sắm (07 hộp mực/15 mô đun)	0,01
4	Bút bi	Cây	- Chiều rộng nét viết: 2,5mm - Số đầu bút: 1 hộp 10 cây, Màu xanh, đỏ, đen (01 hộp/15 mô đun)	0,002
5	Bút lông viết bảng	Cây	Các màu cơ bản: xanh, đỏ, đen (03 giờ LT+TH/1 cây)	0,29
6	Pin 3A	Cục	Thông dụng trên thị trường (03 giờ LT+TH/ 02 cục)	0,58
7	Đồ lau bảng	cái	Thông dụng trên thị trường 1 cái/1 mô đun	0,029
8	Túi hồ sơ	Chiếc	Bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4, 1 cái/1 mô đun	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	00	00
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 11: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MÔ ĐUN: TIẾNG NHẬT GIAO TIẾP VĂN PHÒNG SƠ CẤP 1

Tên nghề: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng**

Tên mô đun: **Tiếng Nhật giao tiếp văn phòng sơ cấp 1**

Mã mô đun: MĐ11

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	0,83
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	0,83
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	0,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V,50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	0,83
5	Tivi	- Màn hình: 86 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	0,83
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	0,83
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	0,83
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	0,86
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút	30

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		thước và dụng cụ học tập khác - Mặt ghế học sinh được uốn hơi cong về phía trước, giúp người học ngồi thoải mái - Tựa ghế học và mặt ghế tách rời, nối với nhau bằng khung thép nhỏ chắc chắn, chống gỉ sét, chống mối mọt - Chất liệu: Gỗ tự nhiên cao su ghép thanh, gỗ dán, chân sắt sơn tĩnh điện	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	0,86
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	0,86
12	Giáo trình	Tiếng Nhật thật đơn giản trong giao tiếp hằng ngày - 初歩から学ぶ日本語会話 - Sơ Cấp 1, Choi Chunghui - Machida Goyuki - Park Minyeong, Nxb Hồng Đức, 2019	0,86
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: ~300W - Loại thông dụng trên thị trường	0,86
14	Màn chiếu	10.29	0,86
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	0,86
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	0,86

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giấy in A4	Tờ	Thông dụng tại thời điểm mua sắm 06 tờ/1 người học/1 mô đun	06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
2	Bút dạ quang	Chiếc	Loại thông dụng trên thị trường (03 cây - 03 màu), (03 cây/15 mô đun)	0,006
3	Mực in	Hộp	Thông dụng tại thời điểm mua sắm (07 hộp mực/15 mô đun)	0,01
4	Bút bi	Cây	- Chiều rộng nét viết: 2,5mm - Số đầu bút: 1 hộp 10 cây, Màu xanh, đỏ, đen (01 hộp/15 mô đun)	0,002
5	Bút lông viết bảng	Cây	Các màu cơ bản: xanh, đỏ, đen (03 giờ LT+TH/1 cây)	0,43
6	Pin 3A	Cục	Thông dụng trên thị trường (03 giờ LT+TH/ 02 cục)	0,86
7	Đồ lau bảng	Cái	Thông dụng trên thị trường 1 cái/1 mô đun	0,029
8	Túi hồ sơ	Chiếc	Bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4, 1 cái/1 mô đun	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 12: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MÔ ĐUN: TIẾNG NHẬT GIAO TIẾP VĂN PHÒNG SƠ CẤP 2

Tên nghề: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng**

Tên mô đun: **Tiếng Nhật giao tiếp văn phòng sơ cấp 2**

Mã mô đun: MĐ12

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ:

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V,50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 86 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	1,26
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		thước và dụng cụ học tập khác - Mặt ghế học sinh được uốn hơi cong về phía trước, giúp người học ngồi thoải mái - Tựa ghế học và mặt ghế tách rời, nối với nhau bằng khung thép nhỏ chắc chắn, chống gỉ sét, chống mối mọt - Chất liệu: Gỗ tự nhiên cao su ghép thanh, gỗ dán, chân sắt sơn tĩnh điện	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Tiếng Nhật thật đơn giản trong giao tiếp hằng ngày - 初歩から学ぶ日本語会話 - Sơ Cấp 1, Choi Chunghui - Machida Goyuki - Park Minyeong, Nxb Hồng Đức, 2019	1,29
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: ~300W - Loại thông dụng trên thị trường	1,29
14	Màn chiếu	10.29	1,29
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,29
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,29

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giấy in A4	Tờ	Thông dụng tại thời điểm mua sắm 06 tờ/1 người học/1 mô đun	06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
2	Bút dạ quang	Chiếc	Loại thông dụng trên thị trường (03 cây - 03 màu), (03 cây/15 mô đun)	0,006
3	Mực in	Hộp	Thông dụng tại thời điểm mua sắm (07 hộp mực/15 mô đun)	0,01
4	Bút bi	Cây	- Chiều rộng nét viết: 2,5mm - Số đầu bút: 1 hộp 10 cây, Màu xanh, đỏ, đen (01 hộp/15 mô đun)	0,002
5	Bút lông viết bảng	Cây	Các màu cơ bản: xanh, đỏ, đen (03 giờ LT+TH/1 cây)	0,43
6	Pin 3A	Cục	Thông dụng trên thị trường (03 giờ LT+TH/ 02 cục)	0,86
7	Đồ lau bảng	Cái	Thông dụng trên thị trường 1 cái/1 mô đun	0,029
8	Túi hồ sơ	Chiếc	Bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4, 1 cái/1 mô đun	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 13: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MÔ ĐUN: TIẾNG NHẬT GIAO TIẾP TRONG VĂN PHÒNG SƠ CẤP 3

Tên nghề: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng**

Tên mô đun: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng sơ cấp 3**

Mã mô đun: MĐ13

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V,50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 86 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	1,26
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút thước và dụng cụ học tập khác	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Mặt ghế học sinh được uốn hơi cong về phía trước, giúp người học ngồi thoải mái - Tựa ghế học và mặt ghế tách rời, nối với nhau bằng khung thép nhỏ chắc chắn, chống gỉ sét, chống mối mọt - Chất liệu: Gỗ tự nhiên cao su ghép thanh, gỗ dán, chân sắt sơn tĩnh điện	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Tiếng Nhật thật đơn giản trong giao tiếp hằng ngày - 初歩から学ぶ日本語会話 - Sơ Cấp 1, Choi Chunghui - Machida Goyuki - Park Minyeong, Nxb Hồng Đức, 2019	1,29
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: ~300W - Loại thông dụng trên thị trường	1,29
14	Màn chiếu	10.29	1,29
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,29
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,29

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giấy in A4	Tờ	Thông dụng tại thời điểm mua sắm 06 tờ/1 người học/1 mô đun	06
2	Bút dạ quang	Chiếc	Loại thông dụng trên thị trường (03 cây - 03 màu), (03 cây/15 mô đun)	0,006

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
3	Mực in	Hộp	Thông dụng tại thời điểm mua sắm (07 hộp mực/15 mô đun)	0,01
4	Bút bi	Cây	- Chiều rộng nét viết: 2,5mm - Số đầu bút: 1 hộp 10 cây, Màu xanh, đỏ, đen (01 hộp/15 mô đun)	0,002
5	Bút lông viết bảng	Cây	Các màu cơ bản: xanh, đỏ, đen (03 giờ LT+TH/1 cây)	0,43
6	Pin 3A	Cục	Thông dụng trên thị trường (03 giờ LT+TH/ 02 cục)	0,86
7	Đồ lau bảng	Cái	Thông dụng trên thị trường 1 cái/1 mô đun	0,029
8	Túi hồ sơ	Chiếc	Bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4, 1 cái/1 mô đun	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 14: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MÔ ĐUN: TIẾNG NHẬT GIAO TIẾP TRONG VĂN PHÒNG SƠ CẤP 4

Tên nghề: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng**

Tên mô đun: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng sơ cấp 4**

Mã mô đun: MĐ14

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V,50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 86 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	1,26
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút thước và dụng cụ học tập khác - Mặt ghế học sinh được uốn hơi cong về phía trước, giúp người học ngồi thoải mái	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Tựa ghế học và mặt ghế tách rời, nối với nhau bằng khung thép nhỏ chắc chắn, chống gỉ sét, chống mối mọt - Chất liệu: Gỗ tự nhiên cao su ghép thanh, gỗ dán, chân sắt sơn tĩnh điện	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Tiếng Nhật thật đơn giản trong giao tiếp hằng ngày - 初歩から学ぶ日本語会話 - Sơ Cấp 1, Choi Chunghui - Machida Goyuki - Park Minyeong, Nxb Hồng Đức, 2019	1,29
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: ~300W - Loại thông dụng trên thị trường	1,29
14	Màn chiếu	10.29	1,29
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,29
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,29

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giấy in A4	Tờ	Thông dụng tại thời điểm mua sắm 06 tờ/1 người học/1 mô đun	06
2	Bút dạ quang	Chiếc	Loại thông dụng trên thị trường (03 cây - 03 màu), (03 cây/15 mô đun)	0,006
3	Mực in	Hộp	Thông dụng tại thời điểm mua sắm (07 hộp mực/15 mô đun)	0,01

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
4	Bút bi	Cây	- Chiều rộng nét viết: 2,5mm - Số đầu bút: 1 hộp 10 cây, Màu xanh, đỏ, đen (01 hộp/15 mô đun)	0,002
5	Bút lông viết bảng	Cây	Các màu cơ bản: xanh, đỏ, đen (03 giờ LT+TH/1 cây)	0,43
6	Pin 3A	Cục	Thông dụng trên thị trường (03 giờ LT+TH/ 02 cục)	0,86
7	Đồ lau bảng	cái	Thông dụng trên thị trường 1 cái/1 mô đun	0,029
8	Túi hồ sơ	Chiếc	Bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4, 1 cái/1 mô đun	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 15: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MÔ ĐUN: TIẾNG NHẬT GIAO TIẾP TRONG VĂN PHÒNG SƠ CẤP 5

Tên nghề: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng**

Tên mô đun: **Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng sơ cấp 5**

Mã mô đun: MĐ15

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V,50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 86 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	1,26
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		thước và dụng cụ học tập khác - Mặt ghế học sinh được uốn hơi cong về phía trước, giúp người học ngồi thoải mái - Tựa ghế học và mặt ghế tách rời, nối với nhau bằng khung thép nhỏ chắc chắn, chống gỉ sét, chống mối mọt - Chất liệu: Gỗ tự nhiên cao su ghép thanh, gỗ dán, chân sắt sơn tĩnh điện	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Tiếng Nhật thật đơn giản trong giao tiếp hằng ngày - 初歩から学ぶ日本語会話 - Sơ Cấp 1, Choi Chunghui - Machida Goyuki - Park Minyeong, Nxb Hồng Đức, 2019	1,29
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: ~300W - Loại thông dụng trên thị trường	1,29
14	Màn chiếu	10.29	1,29
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,29
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,29

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giấy in A4	Tờ	Thông dụng tại thời điểm mua sắm 06 tờ/1 người học/1 mô đun	06
2	Bút dạ quang	Chiếc	Loại thông dụng trên thị trường (03 cây - 03 màu), (03 cây/15 mô đun)	0,006
3	Mực in	Hộp	Thông dụng tại thời điểm mua sắm (07 hộp mực/15 mô đun)	0,01
4	Bút bi	Cây	- Chiều rộng nét viết: 2,5mm - Số đầu bút: 1 hộp 10 cây, Màu xanh, đỏ, đen (01 hộp/15 mô đun)	0,002
5	Bút lông viết bảng	Cây	Các màu cơ bản: xanh, đỏ, đen (03 giờ LT+TH/1 cây)	0,43
6	Pin 3A	Cục	Thông dụng trên thị trường (03 giờ LT+TH/ 02 cục)	0,86
7	Đồ lau bảng	Cái	Thông dụng trên thị trường 1 cái/1 mô đun	0,029
8	Túi hồ sơ	Chiếc	Bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4, 1 cái/1 mô đun	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Phụ lục LXX

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ sơ cấp đối với nghề: "Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động"

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND)

A. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- **Tên nghề:** **Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động**
- **Trình độ đào tạo:** Sơ cấp III
- **Thời gian đào tạo:** 720 giờ *(Lý thuyết: 180 giờ; thực hành: 540 giờ)*
- **Đối tượng tuyển sinh:** Từ 15 tuổi trở lên, tốt nghiệp THCS, có sức khỏe phù hợp với nghề cần học.
- **Bằng cấp sau khi tốt nghiệp:** Chứng chỉ sơ cấp III

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

- Hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, đời sống hàng ngày và giải trí, việc làm, nơi làm việc, luật pháp, chế độ lao động …).

- Trình bày được những thông tin cơ bản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu ở nơi làm việc.

- Xác định được các kiến thức về an toàn, vệ sinh lao động đối với công việc, vị trí làm việc và nơi làm việc.

- Liệt kê được các kiến thức cơ bản về các yêu cầu, tiêu chuẩn đối với từng công việc của nghề; áp dụng được một số kiến thức nhất định khi thực hiện công việc và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

2. Về kỹ năng

- Nói được các đoạn hội thoại trong giao tiếp đơn giản với người bản xứ và xử lý thông tin ứng dụng phù hợp các kiến thức tình huống đã học để giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực trong công việc.

- Nghe hiểu được các từ vựng cơ bản trong công việc văn phòng, công ty.

- Đọc hiểu được các thông tin cơ bản liên quan đến công việc, giúp xử lý công việc chính xác, nhanh chóng, đúng tiến độ.

- Viết được tin nhắn, ghi chú với nội dung đơn giản.

- Sử dụng được một số ít, các cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu cơ bản đã học.

3. Thái độ

- Có khả năng tiếp nhận, ghi chép và chuyển thông tin theo yêu cầu.

- Biết được yêu cầu, tiêu chuẩn, kết quả đối với công việc ở các vị trí xung quanh hoặc công việc có liên quan.

- Chịu trách nhiệm với công việc, sản phẩm của mình.

- Có thể thực hiện độc lập hoặc làm việc theo nhóm để giải quyết công việc.

4. Cơ hội việc làm

Đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức, tác phong chuyên nghiệp, có năng lực sử dụng Tiếng Hàn ở mức sơ cấp để đi xuất khẩu lao động.

II. NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

TT	Tên chương mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
MĐ01	Ngữ pháp tiếng Hàn 1	45	15	30
MĐ02	Viết tiếng Hàn 1	45	15	30
MĐ03	Đọc hiểu tiếng Hàn1	45	15	30
MĐ04	Nói tiếng Hàn 1	45	15	30
MĐ05	Nghe tiếng Hàn 1	45	15	30
MĐ06	Ngữ pháp tiếng Hàn 2	45	15	30
MĐ07	Viết tiếng Hàn 2	45	15	30
MĐ08	Đọc hiểu tiếng Hàn 2	45	15	30
MĐ09	Nói tiếng Hàn 2	45	15	30
MĐ10	Nghe tiếng Hàn 2	45	15	30
MĐ11	Tiếng Hàn xuất khẩu lao động 1	45	15	30

MĐ12	Tiếng Hàn xuất khẩu lao động 2	45	15	30
MĐ13	Tiếng Hàn xuất khẩu lao động 3	60	0	60
MĐ14	Tiếng Hàn xuất khẩu lao động 4	60	0	60
MĐ15	Tiếng Hàn xuất khẩu lao động 5	60	0	60
TỔNG CỘNG		**720**	**180**	**540**

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT NGHỀ TIẾNG HÀN DÀNH CHO ĐỐI TƯỢNG XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG

Bảng 1: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MÔ ĐUN: NGỮ PHÁP TIẾNG HÀN 1

Tên nghề: **Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động**

Tên mô đun: **Ngữ pháp tiếng Hàn 1**

Mã mô đun: MĐ01

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,26
4	Amply	- Công suất 250W, 220V, 50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối : LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 60 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	2.51
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ	1,29

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút thước và dụng cụ học tập khác	45
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy	1,26
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: 295Wh~0.3kWh - Loại thông dụng trên thị trường	1,26
14	Màn chiếu	Tự cuốn, màn chiếu treo tường 84x84 (120 inch, 2m13x2m13)	1,26
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,26
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,26

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giáo trình tài liệu học	Cuốn	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy 1 bộ giáo trình	2

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			(bài học + bài tập)	
2	Bút bi	Cây	01 mô đun: 3 cây, 01 xanh, 01 đỏ, 01 đen	0,086
3	Bút lông viết bảng	Cây	Định mức 5 giờ hết 3 cây, 01 xanh, 01 đỏ, 01 đen (45/5)	0,26
4	Giấy A4(làm bài, kiểm tra, thi)	Tờ	01 mô đun 6 tờ/1 người	6
5	Pin 3A	Cục	03 giờ hết 02 cục Pin (45 giờ/3 giờ), Pin3A 60-160 Wh/kg	0,86
6	Đồ lau bảng	cái	01 mô đun 01 cái	0,029
7	Túi hồ sơ	Chiếc	01 mô đun 01 cái bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 2: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MÔ ĐUN: VIẾT TIẾNG HÀN 1

Tên nghề: **Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động**

Tên mô đun: **Viết tiếng Hàn 1**

Mã mô đun: MĐ02

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V, 50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối : LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 60 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	2.51
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút thước và dụng cụ học tập khác	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy	1,26
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: 295Wh~0.3kWh - Loại thông dụng trên thị trường	1,26
14	Màn chiếu	Tự cuốn, màn chiếu treo tường 84x84 (120 inch, 2m13x2m13)	1,26
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,26
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,26

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giáo trình tài liệu học	Cuốn	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy 1 bộ giáo trình (bài học + bài tập)	2
2	Bút bi	Cây	01 mô đun: 3 cây, 01 xanh, 01 đỏ, 01 đen	0,086
3	Bút lông viết bảng	Cây	Định mức 5 giờ hết 3 cây, 01 xanh, 01 đỏ, 01 đen (45/5)	0,26
4	Giấy A4(làm bài, kiểm tra, thi)	Tờ	01 mô đun 6 tờ/1 người	6

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
5	Pin 3A	Cục	03 giờ hết 02 cục Pin (45 giờ/3 giờ) Pin3A 60-160 Wh/kg	0,86
6	Đồ lau bảng	cái	01 mô đun 01 cái	0,029
7	Túi hồ sơ	Chiếc	01 mô đun 01 cái bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 3: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MÔ ĐUN: ĐỌC HIỂU TIẾNG HÀN 1

Tên nghề: **Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động**

Tên mô đun: **Đọc hiểu tiếng Hàn 1**

Mã mô đun: MĐ03

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V, 50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối : LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 60 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	2.51
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		thước và dụng cụ học tập khác	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy	1,26
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: 295Wh~0.3kWh - Loại thông dụng trên thị trường	1,26
14	Màn chiếu	10.29	1,26
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,26
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,26

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giáo trình tài liệu học	Cuốn	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy 1 bộ giáo trình (bài học + bài tập)	2
2	Bút bi	Cây	01 mô đun: 3 cây, 01 xanh, 01 đỏ, 01 đen	0,086
3	Bút lông viết bảng	Cây	Định mức 5 giờ hết 3 cây, 01 xanh, 01 đỏ, 01 đen (45/5)	0,26

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
4	Giấy A4(làm bài, kiểm tra, thi)	Tờ	01 mô đun 6 tờ/1 người	6
5	Pin 3A	Cục	03 giờ hết 02 cục Pin (45 giờ/3 giờ) Pin3A 60-160 Wh/kg	0,86
6	Đồ lau bảng	cái	01 mô đun 01 cái	0,029
7	Túi hồ sơ	Chiếc	01 mô đun 01 cái bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 4: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MÔ ĐUN: NÓI TIẾNG HÀN 1

Tên nghề: **Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động**

Tên mô đun: **Nói tiếng Hàn 1**

Mã mô đun: MĐ04

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V, 50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối : LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 60 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	2.51
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút thước và dụng cụ học tập khác	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy	1,26
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: 295Wh~0.3kWh - Loại thông dụng trên thị trường	1,26
14	Màn chiếu	10.29	1,26
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,26
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,26

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giáo trình tài liệu học	Cuốn	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy 1 bộ giáo trình (bài học + bài tập)	2
2	Bút bi	Cây	01 mô đun: 3 cây, 01 xanh, 01 đỏ, 01 đen	0,086
3	Bút lông viết bảng	Cây	Định mức 5 giờ hết 3 cây, 01 xanh, 01 đỏ, 01 đen (45/5)	0,26
4	Giấy A4 (làm bài, kiểm tra, thi)	Tờ	01 mô đun 6 tờ/1 người	6

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
5	Pin 3A	Cục	03 giờ hết 02 cục Pin (45 giờ/3 giờ) Pin3A 60-160 Wh/kg	0,86
6	Đồ lau bảng	cái	01 mô đun 01 cái	0,029
7	Túi hồ sơ	Chiếc	01 mô đun 01 cái bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	60	90

Bảng 5: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MÔ ĐUN: NGHE TIẾNG HÀN 1

Tên nghề: **Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động**

Tên mô đun: **Nghe tiếng Hàn 1**

Mã mô đun: MĐ05

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0.86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V, 50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối : LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 60 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	2.51
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		thước và dụng cụ học tập khác	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy	1,26
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: 295Wh~0.3kWh - Loại thông dụng trên thị trường	1,26
14	Màn chiếu	10.29	1,26
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,26
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,26

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giáo trình tài liệu học	Cuốn	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy 1 bộ giáo trình (bài học + bài tập)	2
2	Bút bi	Cây	03 cây/ 01 mô đun, (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen)	0,086
3	Bút lông viết bảng	Cây	03 cây/ 05 giờ (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen (45/5))	0,26

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
4	Giấy A4 (làm bài, kiểm tra, thi)	Tờ	6 tờ/ 1 người/ 1 mô đun	6
5	Pin 3A	Cục	02 cục pin / 03 giờ (45 giờ /3 giờ), Pin3A 60-160 Wh/kg	0,86
6	Đồ lau bảng	Cái	01 cái/ 01 mô đun	0,029
7	Túi hồ sơ	Chiếc	01 cái/ 01 mô đun; bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 6: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: NGỮ PHÁP TIẾNG HÀN 2

Tên nghề: **Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động**

Tên mô đun: **Ngữ pháp tiếng Hàn 2**

Mã mô đun: MĐ06

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V, 50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối : LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 60 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	2.51
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		thước và dụng cụ học tập khác	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy	1,26
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: 295Wh~0.3kWh - Loại thông dụng trên thị trường	1,26
14	Màn chiếu	10.29	1,26
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,26
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,26

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giáo trình tài liệu học	Cuốn	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy 1 bộ giáo trình (bài học + bài tập)	2
2	Bút bi	Cây	03 cây/ 01 mô đun, (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen)	0,086
3	Bút lông viết bảng	Cây	03 cây/ 05 giờ (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen (45/5))	0,26

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
4	Giấy A4 (làm bài, kiểm tra, thi)	Tờ	6 tờ/ 1 người/ 1 mô đun	6
5	Pin 3A	Cục	02 cục pin / 03 giờ (45 giờ /3 giờ), Pin3A 60-160 Wh/kg	0,86
6	Đồ lau bảng	Cái	01 cái/ 01 mô đun	0,029
7	Túi hồ sơ	Chiếc	01 cái/ 01 mô đun; bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 7: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: VIẾT TIẾNG HÀN 2

Tên nghề: **Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động**

Tên mô đun: **Viết tiếng Hàn 2**

Mã mô đun: MĐ07

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V, 50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối : LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 60 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	2.51
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		thước và dụng cụ học tập khác	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy	1,26
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: 295Wh~0.3kWh - Loại thông dụng trên thị trường	1,26
14	Màn chiếu	10.29	1,26
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,26
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,26

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giáo trình tài liệu học	Cuốn	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy 1 bộ giáo trình (bài học + bài tập)	2
2	Bút bi	Cây	01 mô đun: 3 cây, 01 xanh, 01 đỏ, 01 đen	0,086
3	Bút lông viết bảng	Cây	Định mức 5 giờ hết 3 cây, 01 xanh, 01 đỏ, 01 đen (45/5)	0,26

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
4	Giấy A4(làm bài, kiểm tra, thi)	Tờ	01 mô đun 6 tờ/1 người	6
5	Pin 3A	Cục	05 giờ hết 02 cục Pin (45giờ /5giờ)	0,26
6	Đồ lau bảng	Cái	01 mô đun 01 cái	0,029
7	Túi hồ sơ	Chiếc	01 mô đun 01 cái bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 8: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MÔ ĐUN: ĐỌC HIỂU TIẾNG HÀN 2

Tên nghề: **Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động**

Tên mô đun: **Đọc hiểu tiếng Hàn 2**

Mã mô đun: MĐ08

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V, 50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối : LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 60 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	2.51
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút thước và dụng cụ học tập khác	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy	1,26
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: 295Wh~0.3kWh - Loại thông dụng trên thị trường	1,26
14	Màn chiếu	10.29	1,26
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,26
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,26

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giáo trình tài liệu học	Cuốn	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy 1 bộ giáo trình (bài học + bài tập)	2
2	Bút bi	Cây	03 cây/ 01 mô đun, (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen)	0,086
3	Bút lông viết bảng	Cây	03 cây/ 05 giờ (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen (45/5))	0,26
4	Giấy A4 (làm bài, kiểm tra, thi)	Tờ	6 tờ/ 1 người/ 1 mô đun	6

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
5	Pin 3A	Cục	02 cục pin / 03 giờ (45 giờ /3 giờ) Pin3A 60-160 Wh/kg	0,86
6	Đồ lau bảng	Cái	01 cái/ 01 mô đun	0,029
7	Túi hồ sơ	Chiếc	01 cái/ 01 mô đun; bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 9: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: NÓI TIẾNG HÀN 2

Tên nghề: **Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động**

Tên mô đun: **Nói tiếng Hàn 2**

Mã mô đun: MĐ09

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V, 50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối : LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 60 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	2.51
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		thước và dụng cụ học tập khác	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy	1,26
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: 295Wh~0.3kWh - Loại thông dụng trên thị trường	1,26
14	Màn chiếu	10.29	1,26
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,26
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,26

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giáo trình tài liệu học	Cuốn	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy 1 bộ giáo trình (bài học + bài tập)	2
2	Bút bi	Cây	03 cây/ 01 mô đun, (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen)	0,086
3	Bút lông viết bảng	Cây	03 cây/ 05 giờ (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen (45/5))	0,26

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
4	Giấy A4 (làm bài, kiểm tra, thi)	Tờ	6 tờ/ 1 người/ 1 mô đun	6
5	Pin 3A	Cục	02 cục pin / 03 giờ (45 giờ /3 giờ) Pin3A 60-160 Wh/kg	0,86
6	Đồ lau bảng	Cái	01 cái/ 01 mô đun	0,029
7	Túi hồ sơ	Chiếc	01 cái/ 01 mô đun; bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 10: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: NGHE TIẾNG HÀN 2

Tên nghề: **Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động**

Tên mô đun: **Nghe tiếng Hàn 2**

Mã mô đun: MĐ10

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0.86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V, 50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối : LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 60 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	2.51
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		thước và dụng cụ học tập khác	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy	1,26
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: 295Wh~0.3kWh - Loại thông dụng trên thị trường	1,26
14	Màn chiếu	10.29	1,26
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,26
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,26

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giáo trình tài liệu học	Cuốn	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy 1 bộ giáo trình (bài học + bài tập)	2
2	Bút bi	Cây	03 cây/ 01 mô đun, (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen)	0,086
3	Bút lông viết bảng	Cây	03 cây/ 05 giờ (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen (45/5))	0,26
4	Giấy A4 (làm bài, kiểm tra, thi)	Tờ	6 tờ/ 1 người/ 1 mô đun	6

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
5	Pin 3A	Cục	02 cục pin / 03 giờ (45 giờ /3 giờ) Pin3A 60-160 Wh/kg	0,86
6	Đồ lau bảng	Cái	01 cái/ 01 mô đun	0,029
7	Túi hồ sơ	Chiếc	01 cái/ 01 mô đun; bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 11: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: TIẾNG HÀN XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG 1

Tên nghề: **Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động**

Tên mô đun: **Tiếng Hàn xuất khẩu lao động 1**

Mã mô đun: MĐ11

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V, 50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 60 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	2.51
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		thước và dụng cụ học tập khác	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy	1,26
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: 295Wh~0.3kWh - Loại thông dụng trên thị trường	1,26
14	Màn chiếu	10.29	1,26
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,26
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,26

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giáo trình tài liệu học	Cuốn	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy 1 bộ giáo trình (bài học + bài tập)	2
2	Bút bi	Cây	03 cây/ 01 mô đun, (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen)	0,086
3	Bút lông viết bảng	Cây	03 cây/ 05 giờ (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen (45/5))	0,26

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
4	Giấy A4 (làm bài, kiểm tra, thi)	Tờ	6 tờ/ 1 người/ 1 mô đun	6
5	Pin 3A	Cục	02 cục pin / 03 giờ (45 giờ /3 giờ) Pin3A 60-160 Wh/kg	0,86
6	Đồ lau bảng	Cái	01 cái/ 01 mô đun	0,029
7	Túi hồ sơ	Chiếc	01 cái/ 01 mô đun; bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 12: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: TIẾNG HÀN XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG 2

Tên nghề: **Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động**

Tên mô đun: **Tiếng Hàn xuất khẩu lao động 2**

Mã mô đun: MĐ12

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,29**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,86	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,23**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,26
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,26
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,26

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V, 50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối : LINE, Micro, REC, SUB	1,26
5	Tivi	- Màn hình: 60 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,26
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	2.51
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,26
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,29
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút	45

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		thước và dụng cụ học tập khác	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,29
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,29
12	Giáo trình	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy	1,26
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: 295Wh~0.3kWh - Loại thông dụng trên thị trường	1,26
14	Màn chiếu	10.29	1,26
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,26
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,26

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giáo trình tài liệu học	Cuốn	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy 1 bộ giáo trình (bài học + bài tập)	2
2	Bút bi	Cây	03 cây/ 01 mô đun, (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen)	0,086
3	Bút lông viết bảng	Cây	03 cây/ 05 giờ (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen (45/5))	0,26

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
4	Giấy A4 (làm bài, kiểm tra, thi)	Tờ	6 tờ/ 1 người/ 1 mô đun	6
5	Pin 3A	Cục	02 cục pin / 03 giờ (45 giờ /3 giờ) Pin3A 60-160 Wh/kg	0,86
6	Đồ lau bảng	cái	01 cái/ 01 mô đun	0,029
7	Túi hồ sơ	Chiếc	01 cái/ 01 mô đun; bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	15	22,5
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	30	43,5

Bảng 13: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: TIẾNG HÀN XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG 3

Tên nghề: **Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động**

Tên mô đun: **Tiếng Hàn xuất khẩu lao động 3**

Mã mô đun: MĐ13

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,71**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,00	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	1,71	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,31**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,69
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,69
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,69

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V, 50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối : LINE, Micro, REC, SUB	1,69
5	Tivi	- Màn hình: 60 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,69
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	3.37
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,69
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,69
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút	60

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		thước và dụng cụ học tập khác	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,69
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,69
12	Giáo trình	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy	1,69
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: 295Wh~0.3kWh - Loại thông dụng trên thị trường	1,69
14	Màn chiếu	Loại thông dụng trên thị trường	1,69
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,69
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,69

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giáo trình tài liệu học	Cuốn	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy 1 bộ giáo trình (bài học + bài tập)	2
2	Bút bi	Cây	03 cây/ 01 mô đun, (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen)	0,086
3	Bút lông viết bảng	Cây	03 cây/ 05 giờ; 01 xanh, 01 đỏ, 01 đen (60/5)	0,34

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
4	Giấy A4 (làm bài, kiểm tra, thi)	Tờ	6 tờ/ 1 người/ 1 mô đun	6
5	Pin 3A	Cục	02 cục pin / 03 giờ (60 giờ/3 giờ) Pin3A 60-160 Wh/kg	1,14
6	Đồ lau bảng	Cái	01 cái/ 01 mô đun	0,029
7	Túi hồ sơ	Chiếc	01 cái/ 01 mô đun; bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	00	00
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	60	90

Bảng 14: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: TIẾNG HÀN XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG 4

Tên nghề: **Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động**

Tên mô đun: **Tiếng Hàn xuất khẩu lao động 4**

Mã mô đun: MĐ14

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,71**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,00	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	1,71	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,31**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,69
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,69
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,69

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V, 50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối : LINE, Micro, REC, SUB	1,69
5	Tivi	- Màn hình: 60 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,69
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	3.37
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser…	1,69
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,69
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút	60

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		thước và dụng cụ học tập khác	
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,69
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,69
12	Giáo trình	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy	1,69
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: 295Wh~0.3kWh - Loại thông dụng trên thị trường	1,69
14	Màn chiếu	Loại thông dụng trên thị trường	1,69
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,69
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,69

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giáo trình tài liệu học	Cuốn	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy 1 bộ giáo trình (bài học + bài tập)	2
2	Bút bi	Cây	03 cây/ 01 mô đun, (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen)	0,086
3	Bút lông viết bảng	Cây	03 cây/ 05 giờ; 01 xanh, 01 đỏ, 01 đen (60/5)	0,34
4	Giấy A4 (làm bài, kiểm tra, thi)	Tờ	6 tờ/ 1 người/ 1 mô đun	6

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
5	Pin 3A	Cục	02 cục pin / 03 giờ (60 giờ/3 giờ) Pin3A 60-160 Wh/kg	1,14
6	Đồ lau bảng	Cái	01 cái/ 01 mô đun	0,029
7	Túi hồ sơ	Chiếc	01 cái/ 01 mô đun; bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	00	00
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	60	90

Bảng 15: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: TIẾNG HÀN XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG 5

Tên nghề: **Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động**

Tên mô đun: **Tiếng Hàn xuất khẩu lao động 5**

Mã mô đun: MĐ15

Trình độ đào tạo: Sơ cấp III

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,71**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,00	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	1,71	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,31**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính	- Cấu hình: Tối thiểu Core I3 - Chuột quang: Cổng USB - Bàn phím: kết nối cổng USB - Kích thước 46.7 x 20 x 4 cm - Màn hình: LCD 17 inch - Công suất: 200W	1,69
2	Bảng di động	- Kích thước 2,4 x 1,5 m - Sử dụng với nam châm và bút lông viết bảng tiện dụng	1,69
3	Loa treo tường	- Công suất: ≥ 50W - Tần số: 120~15,000Hz - Kích thước: 173 x 195 x 101mm - Khối lượng: 780g	1,69

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
4	Amply	- Công suất 250W, 220V, 50Hz - Kích thước: 485mm x 385mm x 182mm - Cổng kết nối: LINE, Micro, REC, SUB	1,69
5	Tivi	- Màn hình: 60 inch, 220V - Độ phân giải: HD - Kết nối: HDMI, USB, LAN, Wifi - Công suất: 220W	1,69
6	Micro	02 micro không dây: - Tần số: 800Hz - 12KHz - Độ nhạy: -74dB +/- 3dB - Trở kháng: 600 Ohms +/- 30%	3.37
7	Bút chỉ laser	- Khoảng cách điều khiển: ≥ 30m, laser chiếu xa ≥ 200m - Tính năng lật trang, lên xuống, chỉ laser	1,69
8	Bộ bàn ghế giáo viên	- Mặt ván MFC Malaysia - Bàn hình chữ L trơn lượn kiểu dáng châu âu hiện đại - Chân sắt Oval 30x60mm sơn tĩnh điện cao cấp, được chế tạo bằng công nghệ cơ khí chính xác - Mặt bàn MFC cao cấp hay Chipboard Laminate/MDF veneer,.. - Bàn bao gồm: hộc di động (01 cái), kệ CPU (01 cái) - Phụ kiện chọn lựa: vách ngăn, hộc tủ di động, kệ cpu,...	1,69
9	Bộ bàn ghế học sinh	- Bàn học sinh có kích thước vừa phải, mặt ghế đủ dành cho 1 người ngồi học tập - Mặt bàn bo góc, được tạo cách điệu cong cánh cung ở mặt dài phía trong, trên mặt bàn tạo phần lõm để đặt bút thước và dụng cụ học tập khác	60

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
10	Bình chữa cháy	- Trọng lượng chất: 3 kg - Trọng lượng tổng: ~11.6 kg - Chất chữa cháy: Khí CO2	1,69
11	Bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Tiêu chuẩn Việt Nam	1,69
12	Giáo trình	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy	1,69
13	Máy chiếu (Projector)	- Công suất trung bình: 295Wh~0.3kWh - Loại thông dụng trên thị trường	1,69
14	Màn chiếu	Loại thông dụng trên thị trường	1,69
15	Đường truyền Internet	Một bộ phát sóng Wifi tiêu tốn từ 2W-20W. Lấy công suất tiêu thụ tối đa là 20W	1,69
16	Laptop (dành cho giáo viên)	- Công suất 100W - Cấu hình tùy theo Giáo viên	1,69

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giáo trình tài liệu học	Cuốn	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự lựa chọn giáo trình phù hợp tại thời điểm giảng dạy 1 bộ giáo trình (bài học + bài tập)	2
2	Bút bi	Cây	03 cây/ 01 mô đun, (01 xanh, 01 đỏ, 01 đen)	0,086
3	Bút lông viết bảng	Cây	03 cây/ 05 giờ; 01 xanh, 01 đỏ, 01 đen (60/5)	0,34
4	Giấy A4 (làm bài, kiểm tra, thi)	Tờ	6 tờ/ 1 người/ 1 mô đun	6

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
5	Pin 3A	Cục	02 cục pin / 03 giờ (60 giờ/3 giờ) Pin3A 60-160 Wh/kg	1,14
6	Đồ lau bảng	Cái	01 cái/ 01 mô đun	0,029
7	Túi hồ sơ	Chiếc	01 cái/ 01 mô đun; bằng nhựa, có cúc bấm, khổ giấy A4	0,029

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Phòng học thông minh (lý thuyết)	1,5	00	0
2	Phòng học thông minh (thực hành và kiểm tra)	1,5	60	90

(Xem tiếp Công báo điện tử số 277 + 278)